

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2022

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải
2. Ông Lã Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: ông Nông Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 9 năm 2022 và 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hoàng Văn D - sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Bị đơn:* Hứa Thị L - sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm 5, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Văn M; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt khi tuyên án.

2. Bà Triệu Thị M; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt khi tuyên án.

3. Ông Hoàng Văn U; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt khi tuyên án.

4. Ông Hoàng Văn T; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

5. Bà Nông Thị T; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

6. Hoàng Bích L - sinh năm 2011; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

Người giám hộ của Hoàng Bích Loan: Bà Nông Thị T; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

7. Hoàng Ngọc B - sinh năm 2015; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

Người giám hộ của Hoàng Ngọc Bích: Bà Nông Thị T; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

8. Ông Hoàng Văn T; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt khi tuyên án.

9. Ông Hoàng Văn Đ; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt khi tuyên án.

10. Ông Hoàng Văn H; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

11. Ông Hoàng Văn H; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

12. Ông Hoàng Văn V; Nơi cư trú: xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn D trình bày: ông và bà Hứa Thị L đăng ký kết hôn ngày 10/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 03/9/2021 đến nay, thời gian ly thân không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Quá trình mâu thuẫn thường xuyên có cãi vã, hai vợ chồng tự hoà giải và đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay ông D xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh H (giới tính: Nữ; sinh ngày 16/9/2011) và Hoàng Anh T (giới tính: Nữ; sinh ngày 25/01/2013). Trường hợp ly hôn ông đề nghị được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với bà L.

Về tài sản chung: Có tài sản nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hứa Thị L trình bày: Về quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn bà xác nhận đúng như ông D đã trình bày. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng và hai bên không có tiếng nói chung nữa nên nhất trí ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như ông D trình bày, bà không nhất trí giao 02 con chung cho ông D nuôi dưỡng, bà đề nghị được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Quỳnh H (giới tính: Nữ; sinh ngày 16/9/2011) đến tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L đề nghị chia tài sản chung vợ chồng gồm:

- Một ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng trên thửa đất của bố mẹ ông Hoàng Văn D có diện tích là 56m², 01 nhà bếp có diện tích 12m² và cổng. Tổng giá trị khoảng 300.000.000 đồng. Yêu cầu được chia bằng giá trị, chia đôi.

- 100 cây bưởi có giá trị 20.000.000 đồng và 40 cây sấu có giá trị 8.000.000 đồng, tổng giá trị là 28.000.000 đồng. Yêu cầu được chia bằng giá trị, chia đôi.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2022, ông Hoàng Văn M và bà Triệu Thị M cho biết: anh D chị L kết hôn năm 2011, được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xóm 04, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Năm 2017 anh D, chị L xây dựng ngôi nhà riêng trên phần đất của ông M bà M. Thửa đất này ông M được bố mẹ ông M là ông Hoàng Văn M và bà Vương Thị X chia cho.

Trên diện tích ông M được chia, ông cho anh D chị L trồng một số cây ăn quả như: Bưởi, sấu, mít.

Về phần nhà, ông bà đề nghị giao cho anh D sử dụng để thuận tiện chăm sóc con cái. Đối với cây trên đất, ông bà nhất trí chia nhưng đề nghị chị L chuyển số cây chị L được chia ra khỏi phần đất của gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều xác nhận ngôi nhà do

vợ chồng ông D, bà L xây dựng và trồng cây trên các thửa đất của ông M bà M. Các thửa đất này có nguồn gốc do ông Hoàng Văn M và bà Vương Thị X chia cho ông M bà M.

Tại biên bản xác minh ngày 11/3/2022, ông Nông Ngọc H, bí thư chi bộ kiêm trưởng xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng cho biết: Chị L và anh D có quan hệ vợ chồng, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Anh D, chị L có xây 01 ngôi nhà riêng trên đất của bố mẹ chồng là ông Hoàng Văn M và bà Triệu Thị M. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung, hiện nay các cháu đang ở với bố còn chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2021 đến nay. Về mâu thuẫn vợ chồng anh chị, xóm được giải quyết 01 lần tại nhà riêng của anh D chị L.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2022, cháu Hoàng Quỳnh H cho biết: Hiện nay cháu đang sống cùng bố tại xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Trường hợp bố mẹ ly hôn cháu muốn sống cùng bố vì bố là người quan tâm, chăm sóc, dạy bảo cháu hàng ngày.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2022, cháu Hoàng Anh T cho biết: Trường hợp bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống cùng bố vì bố là người thường xuyên chăm sóc, dạy bảo cháu hàng ngày.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2022 xác định:

Tài sản và nhà ở trên đất gồm: nhà 01 tầng, nhà vệ sinh, cổng, hàng rào, mái trái, tường.

Ngôi nhà có các hướng tiếp giáp sau:

- Phía Đông giáp vườn bưởi;
- Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn xóm;
- Phía Nam giáp đất vườn nhà ông M;
- Phía Bắc giáp đất vườn nhà ông M.

Về cây trồng trên đất:

- Cây sấu loại E: 19 cây.
- Cây sấu loại G: 42 cây.
- Cây bưởi các loại C: 82 cây.

Toàn bộ tài sản và cây trồng nằm trên thửa đất số 36 và thửa đất số 39, tờ bản đồ số 83 (bản đồ địa chính 2016) thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 60 (bản đồ địa chính năm 2009 – bản đồ số hoá) đều mang tên người sử dụng đất là ông Hoàng Văn M bà Triệu Thị M.

Biên bản định giá tài sản ngày 17/6/2022 xác định:

+ Nhà 01 tầng, diện tích 59,1 m² có giá trị là: 59,1 m² x (3.124.000đ/ m² + 60.000 đ/ m²) = 188.174.400đ (Một trăm tám mươi tám triệu một trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

+ Nhà vệ sinh, diện tích là 4,5 m² có giá trị là: 4,5 m² x 4.616.000 đ = 20.772.000 đ (Hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

+ Giá trị cổng và hàng rào là: 46,83 m x 01 m x 1.088.000 đ = 50.951.040đ (Năm mươi triệu chín trăm năm mươi một nghìn không trăm bốn mươi đồng).

+ Giá trị phần mái trái phía trước nhà và bếp là: 81,8 m² x 600.000 đ = 49.080.000 đ (Bốn mươi chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Giá trị tường bếp là: (0,15m x 12,5m x 0,9m) x 1.157.000 đ/m³ = 1.952.438 đ (Một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

+ Giá trị phần mái trái (gần nhà vệ sinh) không tính tường bao quanh là: 11,2 m² x 600.000 đ = 6.720.000 đ (Sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Tường bao quanh có giá trị là: (0,15m x 1,6 m x 6,5m) x 1.157.000 đ/m³ = 1.804.920 đ (Một triệu tám trăm linh tư nghìn chín trăm hai mươi đồng).

Tổng giá trị nhà và tài sản trên đất: 188.174.400 đ + 20.772.000 đ + 50.951.040 đ + 49.080.000 đ + 1.952.438 đ + 6.720.000 đ + 1.804.920 đ = 319.454.798 đ (Ba trăm mười chín triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng).

Về cây trồng trên đất:

+ 19 cây sấu loại E x 80.000 đ = 1.520.000 đ (Một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

+ 42 cây sấu loại G x 40.000 đ = 1.680.000 đ (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

+ 82 cây bưởi các loại, thuộc loại C x 140.000 đ = 11.480.000 đ (Mười một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị cây trồng trên đất: 14.680.000 đ (Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông D không nhất trí với kết quả của hội đồng định giá tài sản, ngày 27/6/2022 ông D cung cấp cho Tòa án Giấy kê vật tư xây nhà và hàng rào cổng, mái trái, bếp với tổng chi phí là 154.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 25/7/2022, ông Chu Văn Q cho biết: ông là người bán vật liệu xây dựng cho ông Hoàng Văn D nhưng cụ thể về thời gian và số liệu thì ông không nhớ.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/8/2022, ông Nguyễn Văn L, công chức địa chính Ủy ban nhân dân xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho biết: Thửa đất số 36, 39, tờ bản đồ số 83 (bản đồ địa chính 2016) thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 60 (bản đồ địa chính năm 2009 – bản đồ số hoá) đều mang tên người sử dụng đất là ông Hoàng Văn M bà Triệu Thị M. Nguồn gốc đất là nhận thừa kế.

Hai thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn M bà Triệu Thị M năm 2009, tuy nhiên, do có sai sót về hình thể nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được phát cho người dân. Năm 2021 đã bàn giao lại cho Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Cao Bằng để xử lý.

Các thửa đất trên không nằm trong quy hoạch và không có kế hoạch sử dụng đất.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn chỉ nhất trí ly hôn nếu nguyên đơn đồng ý chia tài sản chung và cho bà nuôi 01 con chung. Bà đề nghị được nuôi cháu Hoàng Quỳnh H.

Về tài sản chung: nguyên đơn đề nghị xác định giá trị tài sản theo Giấy kê vật tư nguyên đơn đã gửi Tòa án, không nhất trí giá trị theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản, nguyên đơn không nhất trí lấy nhà và không nhất trí chia nhà, đề nghị để lại nhà cho con. Bị đơn đề nghị chia ngôi nhà theo kết luận của hội đồng định giá tài sản, đất của bố mẹ ông D nên ông D lấy nhà và phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà L theo tỷ lệ 50:50.

Về cây trồng trên đất: Nguyên đơn đề nghị bị đơn tự đào cây, còn nếu không đào mà để cây trên đất thì phải thanh toán tiền thuê đất cho ông Minh. Bị đơn cho rằng do cây đã lớn không đào được nên đề nghị chia bằng giá trị, bị đơn lấy tiền, ông D lấy cây, chia theo tỷ lệ 50:50.

Các bên đương sự nhất trí giá trị cây trồng trên đất theo kết luận của hội đồng định giá tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm.

Quan điểm của việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hoàng Văn D.

Về con chung: đề nghị giao 02 con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông D không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L, giao cho ông D được sở hữu toàn bộ tài sản và cây trồng trên đất, ông D có nghĩa vụ thanh toán cho bà L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 167.067.399 đồng.

Các bên đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Hoàng Văn T, Nông Thị T, Hoàng Bích Loan, Hoàng Ngọc B, Hoàng Văn H, Hoàng Văn H, Hoàng Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Hoàng Văn D và bà Hứa Thị L đăng ký kết hôn ngày 10/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, ông D và bà L chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ ngày 03/9/2021 đến nay, thời gian ly thân không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Quá trình mâu thuẫn thường xuyên có cãi vã, hai vợ chồng đã tự hoà giải và được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng không thể khắc phục nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án bà L nhất trí ly hôn với ông D nhưng tại phiên tòa bà L thay đổi ý kiến, chỉ nhất trí ly hôn nếu ông D đồng ý chia tài sản và cho bà nuôi 01 con chung. Xét thấy lý do bà L không nhất trí ly hôn không phải vì vẫn còn tình cảm vợ chồng mà bà chỉ muốn đạt được thỏa thuận về chia tài sản chung và con chung. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà L chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân của ông D và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả nên cần cho ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông D và bà L có 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh H (giới tính: Nữ; sinh ngày 16/9/2011) và Hoàng Anh T (giới tính: Nữ; sinh ngày 25/01/2013), hiện nay đều đang sống cùng ông D. Trường

hợp ly hôn ông D đề nghị được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với bà L. Còn bà L đề nghị được nuôi 01 con chung là cháu Hoàng Quỳnh H và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản lấy lời khai của con chung, các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng bố. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn, cần giao 02 con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: ông D không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với bà L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: các bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống có tài sản chung là nhà, công trình xây dựng và cây trồng trên đất. Do toàn bộ tài sản và cây trồng đều nằm trên thửa đất số 36 và thửa đất số 39, tờ bản đồ số 83 của ông M bà M (bố mẹ đẻ của ông D) nên cần giao toàn bộ tài sản và cây trồng cho ông D sở hữu, ông D có nghĩa vụ thanh toán cho bà L 50% giá trị tài sản. Giá trị tài sản được xác định theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Đối với yêu cầu của ông D về việc áp dụng giá tài sản theo Bảng kê vật liệu do ông D cung cấp: Tại phiên toà bà L không nhất trí với bảng kê này vì cho rằng số tiền xây dựng thực tế nhiều hơn. Kết quả xác minh của Tòa án với ông Chu Văn Q (là người bán vật liệu xây dựng cho ông D) cũng cho thấy bản thân ông Q không nhớ cụ thể thời gian và số lượng vật liệu đã bán cho ông D, do đó, không có căn cứ để chấp nhận số tiền theo Bảng kê vật liệu do ông D cung cấp.

Như vậy, giá trị tài sản chung của ông D và bà L là 334.134.798 đồng, trong đó giá trị nhà, công trình xây dựng và tài sản trên đất là 319.454.798 đồng, giá trị cây trồng là 14.680.000 đồng. Mỗi người được chia 50% tài sản tức là mỗi người được chia số tiền là: $334.134.798 \text{ đồng} : 2 = 167.067.399 \text{ đồng}$.

Ông D được chia nhà, công trình xây dựng và cây trồng trên đất có giá trị 167.067.399 đồng và phải thanh toán lại cho bà L số tiền chênh lệch là 167.067.399 đồng.

Về nợ chung: các bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà L đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.464.000 đồng (trong đó chi phí đo đạc là 3.764.000 đồng, chi phí cho hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ là 2.700.000 đồng) và chi phí định giá tài sản là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền bà L đã tạm ứng là 7.964.000 đồng.

Do bà L và ông D mỗi người được chia 50% tài sản nên mỗi người phải chịu 50% chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà L đã tạm ứng 7.964.000 đồng nên ông D phải hoàn trả lại cho bà L số tiền là 3.982.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi bên phải chịu án phí đối với trị giá tài sản được chia là 167.067.399 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn D. Xử cho ông Hoàng Văn D được ly hôn bà Hứa Thị L.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh H (giới tính: Nữ; sinh ngày 16/9/2011) và cháu Hoàng Anh T (giới tính: Nam; sinh ngày 25/01/2013) cho ông Hoàng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: ông Hoàng Văn D không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với bà Hứa Thị L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hứa Thị L về việc chia tài sản chung vợ chồng với ông Hoàng Văn D. Xác định khối tài sản chung vợ chồng của ông Hoàng Văn D và bà Hứa Thị L bao gồm:

+ Nhà một tầng diện tích 59,1m² và toàn bộ công trình xây dựng gồm: nhà vệ sinh, tường xây, mái trái, cổng, hàng rào trên thửa đất số 36 và thửa đất số 39, tờ bản đồ số 83 (bản đồ địa chính năm 2016) có địa chỉ tại xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng có tổng giá trị là 319.454.798 đồng (Ba trăm mười chín triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng).

+ Cây trồng trên đất gồm: 19 cây sấu loại E, 42 cây sấu loại G và 82 cây bưởi các loại, thuộc loại C trồng trên thửa đất số 36 và thửa đất số 39, tờ bản đồ số 83 (bản

đồ địa chính năm 2016) có địa chỉ tại xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng có tổng giá trị là 14.680.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản chung là: 334.134.798 đồng (ba trăm ba mươi tư triệu một trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng).

Chia tài sản chung như sau: ông Hoàng Văn D và bà Hứa Thị L mỗi người được chia 50% giá trị tài sản chung tương ứng với số tiền là 167.067.399 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

Chia cho ông Hoàng Văn D được quyền sở hữu các tài sản sau:

+ Nhà một tầng diện tích 59,1m² và toàn bộ công trình xây dựng gồm: nhà vệ sinh, tường xây, mái trái, cổng, hàng rào trên thửa đất số 36 và thửa đất số 39, tờ bản đồ số 83 (bản đồ địa chính năm 2016) có địa chỉ tại xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng có tổng giá trị là 319.454.798 đ (Ba trăm mười chín triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng).

+ Cây trồng trên đất gồm: 19 cây sấu loại E, 42 cây sấu loại G và 82 cây bưởi các loại, thuộc loại C trồng trên thửa đất số 36 và thửa đất số 39, tờ bản đồ số 83 (bản đồ địa chính năm 2016) có địa chỉ tại xóm 4, xã C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng có tổng giá trị là 14.680.000 đ (Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

(có sơ đồ kèm theo)

Ông Hoàng Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hứa Thị L số tiền chênh lệch tài sản là 167.067.399 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

- Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chi phí tố tụng: Bà Hứa Thị L đã tạm ứng 7.964.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên ông Hoàng Văn D phải hoàn trả lại cho bà Hứa Thị L số tiền là 3.982.000 đồng (ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Hoàng Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn và 8.353.369 đồng án phí chia tài sản chung. Ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003045 ngày 27/10/2021. Ông D còn phải nộp 8.353.369 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng) án phí để sung công quỹ nhà nước.

Bà Hứa Thị L phải chịu 8.353.369 đồng án phí chia tài sản chung. Bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí 4.100.000 đồng theo biên lai số 0003089 ngày 14/12/2021. Bà L còn phải nộp 4.253.369 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng) án phí để sung công quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hoài Phương